

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị
thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và
Luật Đê điều số 60/2020/QH14;*

Căn cứ Luật phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;

*Căn cứ Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính
phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng
bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính
phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh
vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Xét Tờ trình số 8486/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân
dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 73/BC-BKTNS ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ban
Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân
dân tỉnh tại Báo cáo số 256/BC-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 và ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, sản xuất muối hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài, hoạt động hoặc tham gia hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Đối tượng hỗ trợ

Cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang), doanh nghiệp vừa và nhỏ có hoạt động trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, sản xuất muối (sau đây gọi là cơ sở sản xuất) bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

Điều 4. Mức hỗ trợ bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

1. Mức hỗ trợ đối với cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

a) Diện tích lúa:

Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha;

Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha;

Sau gieo trồng trên 45 ngày: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha.

b) Diện tích mạ:

Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

c) Diện tích cây hằng năm khác: Ngô; mía; Nhóm cây lấy củ chứa bột (gồm: Sắn, khoai lang, khoai sọ, khoai tây, khoai môn, khoai mỡ, khoai từ, dong riềng, sắn dây); Nhóm cây có hạt chứa dầu (gồm: Lạc, vừng, đậu tương); Cây đậu đỗ các loại (gồm: đậu xanh, đậu đen, đậu đỏ, đậu Hà Lan lấy hạt, đậu tằm); Cây rau các loại; Cây dược liệu hằng năm.

Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng): thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha;

Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng): thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha;

Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng): thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha.

d) Diện tích cây trồng lâu năm (Nhóm cây ăn quả và nhóm cây công nghiệp lâu năm)

Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 12.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha;

Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha;

Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha;

Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

2. Mức hỗ trợ đối với lâm nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

a) Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha.

b) Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha.

c) Diện tích vườn giống, rừng giống: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha.

d) Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:

Nhóm cây sinh trưởng nhanh (các loài keo, bạch đàn, bồ đề, xoan,...), có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha, thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha.

Nhóm cây sinh trưởng chậm (lim xanh, lát hoa, thông, giổi,...), có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha, thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

3. Mức hỗ trợ đối với thủy sản bị thiệt hại do thiên tai (bao gồm nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản)

a) Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm):

- Hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha đối với diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú thâm canh bị thiệt hại.

- Hỗ trợ 50.000.000 đồng/ha đối với diện tích nuôi các loài thủy sản đặc sản thâm canh (cá lăng, cá leo, các vược, cá trắm đen, cá mú, cá Hồng mỹ, cá lóc, cá chình, cá chim vây vàng, ốc,...) bị thiệt hại.

- Hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha đối với diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh, cá truyền thống thâm canh bị thiệt hại.

- Hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha đối với diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú bán thâm canh bị thiệt hại.

- Hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha đối với diện tích nuôi các loài thủy sản đặc sản bán thâm canh (cá lăng, cá leo, các vược, cá trắm đen, cá mú, cá Hồng mỹ, cá lóc, cá chình, cá chim vây vàng, ốc,...) bị thiệt hại.

- Hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha đối với diện tích nuôi thủy sản khác bán thâm canh, thâm canh bị thiệt hại.

b) Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè:

- Hỗ trợ 30.000.000 đồng/100 m³ thể tích nuôi tôm, các loài thủy sản đặc sản (cá lăng, cá leo, các vược, cá trắm đen, cá mú, cá Hồng mỹ, cá lóc, cá chình, cá chim vây vàng, ếch, lươn, ốc,...) bị thiệt hại.

- Hỗ trợ 20.000.000 đồng/100 m³ thể tích nuôi các đối tượng thủy sản khác bị thiệt hại.

c) Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác (quảng canh, quảng canh cải tiến, nuôi kết hợp như cá lúa, cá vược 3, tôm với cua, tôm với cá diêu, ...): hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

4. Mức hỗ trợ đối với vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) do thiên tai

a) Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu) đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 30.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 45.000 đồng/con.

b) Chim cút đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 5.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 10.000 đồng/con.

c) Lợn đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 600.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 1.500.000 đồng/con; lợn nái và lợn đực đang khai thác, hỗ trợ 3.000.000 đồng/con.

d) Bê cái hướng sữa đến 06 tháng tuổi, hỗ trợ 4.000.000 đồng/con; bò sữa trên 06 tháng tuổi, hỗ trợ 12.000.000 đồng/con.

đ) Trâu, bò thịt, ngựa đến 06 tháng tuổi, hỗ trợ 3.000.000 đồng/con; trên 06 tháng tuổi, hỗ trợ 7.000.000 đồng/con.

e) Hươu sao, cừu, dê, đà điểu:

Hươu sao hỗ trợ: 2.500.000 đồng/con;

Cừu, dê, đà điểu hỗ trợ: 2.000.000 đồng/con.

g) Thỏ đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 50.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 70.000 đồng/con.

h) Ong mật (đàn): hỗ trợ 500.000 đồng/đàn.

5. Mức hỗ trợ đối với sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai (bao gồm diện tích đang sản xuất hoặc diện tích có muối đã được tập kết trên ruộng)

Diện tích sản xuất muối: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha.

6. Trường hợp hỗ trợ bằng giống cây, con, hiện vật, mức hỗ trợ được quy đổi tương đương hỗ trợ bằng tiền theo giá tại thời điểm hỗ trợ.

Điều 5. Nguồn kinh phí

1. Ngân sách Trung ương: hỗ trợ 80%.

2. Ngân sách tỉnh: hỗ trợ tối đa 20%.

3. Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

Thiệt hại xảy ra do thiên tai xảy ra từ ngày 01 tháng 9 năm 2024 chưa được nhận hỗ trợ (địa phương chưa thẩm định, chưa trình UBND tỉnh hỗ trợ) theo quy định tại Nghị định số 2/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa VII, nhiệm kỳ 2021- 2026, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&QLXLVPHC);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Trung tâm Công báo và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NH.

CHỦ TỊCH



Lâm Đông